

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(Thời điểm báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên trường: Trường THCS Liên Hòa

2. Địa chỉ

- Địa chỉ: Thôn 4, xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

- Web: <http://quangyen.quangninh.edu.vn/c2lienhoa/Home.aspx>

- Email: c2lienhoa@pgdquangyen.edu.vn

3. Loại hình, chức năng, nhiệm vụ

- Loại hình: Công lập.

- Cơ quan chủ quản: UBND thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở.

+ Thực hiện công tác phổ cập, xóa mù chữ cấp THCS tại đơn vị xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình.

4.2. Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường THCS Liên Hòa có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, duy trì đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục đối với học sinh, cha mẹ học sinh và nhân dân trên địa bàn xã và các vùng lân cận.

4.3. Mục tiêu:

4.3.1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng nhà trường có chất lượng giáo dục cao, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển con người Việt nam toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ, hướng tới “Trường học hạnh phúc”, “Công dân toàn cầu”.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, có lòng yêu nghề và năng lực sư phạm, đáp ứng yêu cầu dạy học theo chương trình và phương pháp mới.

- Thực hiện tốt chức năng quản lý giáo dục. Đổi mới công tác quản lý giáo dục phù hợp với việc đổi mới chương trình giáo dục.

- Nâng cấp cơ sở vật chất và thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa tương ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Tích cực đưa công nghệ thông tin vào quá trình dạy học.

- Đến 2030, nhà trường có cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, duy trì đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Trường THCS Liên Hòa được thành lập từ năm 1995; tiền thân là trường PTCS Liên Hòa đóng tại địa bàn thôn 4. Thực hiện Quyết định số 50/KHTV ngày 01/07/1995 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc tách trường PTCS Liên Hòa thành các trường Tiểu học Liên Hòa và trường THCS Liên Hòa.

- Từ năm thành lập đến nay, Trường THCS Liên Hòa đã luôn luôn chú trọng phát huy truyền thống dạy tốt, học tốt và tiếp tục vươn lên trong mọi mặt hoạt động GD để xứng đáng với danh hiệu trường THCS đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2014-2019 theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 13/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh. Năm 2024, nhà trường đạt kiểm định CLGD cấp độ 2 theo Quyết định số 261/QĐ-SGDĐT ngày 30/08/2024 và chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2024-2029 theo Quyết định số 262/QĐ-SGDĐT ngày 30/8/2024 của Giám đốc Sở GDĐT Quảng Ninh.

- Đội ngũ CBGVNV của nhà trường ngày càng vững mạnh về chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết, trách nhiệm, hết lòng vì học sinh thân yêu. Đến nay tổng số CBGVNV của nhà trường là 28 đồng chí. Trong 05 năm gần đây chất lượng mọi mặt của nhà trường có chuyển biến tích cực được UBND huyện công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

- Chi bộ trường trực thuộc Đảng bộ xã Liên Hòa gồm 14 đảng viên. Nhiều năm liền được xếp loại Chi bộ trong sạch vững mạnh, Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các tổ chức: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện CMHS hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Học sinh của nhà trường cơ bản chăm chỉ học tập, ngoan ngoãn, lễ phép, ham học hỏi. Nhiều em đạt giải cao trong các cuộc thi HSG các môn học, thi TDTT cấp thị xã và cấp tỉnh. Kết quả HSG và HS tiên tiến, HS tốt nghiệp, HS thi vào THPT các năm

đạt tỉ lệ năm sau cao hơn năm trước. Trong 05 năm qua, tỉ lệ HS lớp 9 tốt nghiệp THCS luôn đạt 100%.

- Trong những năm gần đây, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của danh hiệu trường chuẩn Quốc gia, luôn có ý thức tu sửa bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất trường học và có bước tiến bộ rõ rệt trong các hoạt động GD toàn diện đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay, xứng đáng với niềm tin và sự mong đợi của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Bà Đặng Thị Thúy Hà
- Chức vụ: Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng.
- Địa chỉ nơi làm việc: thôn 04, xã Liên Hòa, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại:
- Website: <http://quangyen.quangninh.edu.vn/c2lienhoa/Home.aspx>
- Email: c2lienhoa@pgdquangyen.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có):

Quyết định số 50/KHTV ngày 01/7/1995 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc thành lập trường THCS Liên Hòa.

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường:

- Hội đồng trường THCS Liên Hòa nhiệm kỳ 2021-2026 được công nhận theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TTBGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT), Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026 được công nhận theo Quyết định số 13314/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên, Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021- 2026 được công nhận theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên.

- Hội đồng trường gồm 15 thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ Đảng, chính quyền	Chức danh trong Hội đồng trường
1	Đặng Thị Thúy Hà	Bí thư chi bộ; Hiệu trưởng	Chủ tịch

2	Phạm Thị Quỳnh Lương	Giáo viên	Thư ký
3	Nguyễn Văn Va	Phó BT; Phó Hiệu trưởng	Thành viên
4	Trần Thị Bích Hạnh	Giáo viên; TT KHXH	Thành viên
5	Lâm Thị Hồng Thủy	Giáo viên; TT KHTN	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hương	Giáo viên; Bí thư chi Đoàn	Thành viên
7	Nguyễn Thị Thụy	Giáo viên; TPT Đội	Thành viên
8	Lê Thị Mai	Giáo viên	Thành viên
9	Vũ Thị Thúy An	Giáo viên	Thành viên
10	Lê Thị Quyên	Giáo viên	Thành viên
11	Nguyễn Quang Tĩnh	Giáo viên	Thành viên
12	Ngô Thị Hà	Giáo viên	Thành viên
13	Đào Văn Hồng	Công chức phụ trách VH xã	Thành viên
14	Bùi Thị Nhung	Đại diện CMHS	Thành viên
15	Nguyễn Thị Minh Hằng	Học sinh	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục:

- Hiệu trưởng: Đặng Thị Thúy Hà
- + Ngày tháng năm sinh: 31/12/1975.
- + Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS Liên Hòa từ ngày 02/10/2020 theo Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 30/9/2020 của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên.
- + Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 05 năm.
- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Va
- + Ngày, tháng, năm sinh: 28/02/1980.
- + Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THCS Liên Hòa từ ngày 11/01/2021 theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Quảng Yên.
- + Thời gian làm Phó hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 04 năm.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy:

7.4.1. Cơ chế hoạt động của Trường THCS Liên Hòa:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

7.4.2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:

- Trường THCS Liên Hòa được thành lập theo Quyết định số 50/KHTV ngày 01/07/1995 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

- Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường THCS trọng điểm của địa bàn xã Liên Hòa và các xã lân cận.

- Trường THCS Liên Hòa là cơ sở giáo dục bậc THCS của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thị xã Quảng Yên.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế-xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện KHGD của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong các HGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho HĐGD theo quy định của Pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản CSVN, trang thiết bị theo quy định của Pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định CLGD theo quy định của Bộ GDĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết CLGD, các điều kiện bảo đảm CLGD và thu, chi tài chính theo quy định của Pháp luật.
- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của Pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Pháp luật.
- **Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**
 - + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên;
 - + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng;
 - + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng;
 - + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường);
 - + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 14 đảng viên;
 - + Tổ chức Công đoàn có 28 công đoàn viên.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định, như: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; các Nghị quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính... (có văn bản kèm theo).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số viên chức được UBND thị xã giao năm 2024

- Số viên chức được giao năm 2024: 34.
- Số viên chức hiện có: 28, trong đó:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	23	21	0	0	22	1	
Nhân viên	3	3	0	0	3	0	
Cộng	28	25	0	0	27	1	

2. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

[illegible]

8	Nhân viên CNTT	0													
9	NV bảo vệ	2													
10	Lao công	1													

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Cơ sở vật chất- diện tích đất, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số diện tích đất (m ²)	7822.1	
STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích
II	Khối phòng hành chính quản trị	6	
1	Phòng hiệu trưởng	1	23,8
2	Phòng Phó hiệu trưởng	1	23,8
3	Phòng Công đoàn	0	
4	Văn phòng	1	100,8
5	Phòng bảo vệ	1	13
6	Khu vệ sinh giáo viên	1	32,64
7	Khu để xe giáo viên	1	120
III	Khối phòng học học tập		
1	Phòng học	12	387,2
2	Phòng học môn Âm nhạc	1	
3	Phòng học Mỹ thuật	1	
4	Phòng học Công nghệ	1	53,2
5	Phòng học KHTN	2	53,2
6	Phòng học Tin học	1	53,2
7	Phòng học Ngoại ngữ	1	53,2
8	Phòng học KHXH	1	
9	Phòng đa chức năng	0	
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập		
1	Thư viên	1	49
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	42

3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật	1	
4	Phòng đoàn đội	1	23,8
5	Phòng truyền thống	1	51,83
V	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp toàn thể CBGVNV		
2	Phòng các tổ chuyên môn	2	37,82
3	Phòng y tế	1	23,8
4	Nhà kho	1	43,8
5	Nhà vệ sinh học sinh	1	32
6	Nhà xe học sinh	1	125
7	Phòng nghỉ giáo viên	0	23,8
8	Cổng, tường rào		
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao		
1	Sân chơi	1	1,472
2	Sân thể dục thể thao	1	1,436
3	Nhà tập đa năng		
VII	Hạ tầng kĩ thuật	Có	Không
1	Hệ thống cấp nước sạch	x	
2	Hệ thống cấp điện	x	
3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	x	
4	Hạ tầng CNTT	x	
5	Khu thu gom rác thải	HĐ thu gom	
STT	Nội dung	Hiện có	Theo qui định
VIII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1	Khối lớp 6		
2	Khối lớp 7		
3	Khối lớp 8		
4	Khối lớp 9		

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được các cơ quan thẩm quyền phê duyệt

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

STT	Tên sách	Đơn vị tính	Số lượng CSGD lựa chọn và đang sử dụng
	SGK LỚP 6		46
1	Ngữ Văn 6/1 (CD)	Quyển	3
1	Ngữ Văn 6/2 (CD)	Quyển	3
2	Giáo dục thể chất 6 (CD)	Quyển	2
3	Mĩ thuật 6 (CD)	Quyển	2
4	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (CD)	Quyển	3
5	Giáo dục công dân 6 (KN)	Quyển	2
6	Toán 6/1 (KN)	Quyển	3
7	Toán 6/2 (KN)	Quyển	3
8	Khoa học tự nhiên 6 (KN)	Quyển	3
9	Lịch Sử và Địa Lí 6 (CD)	Quyển	3
10	Tin Học 6 (KN)	Quyển	2
11	BT Ngữ văn 6/1	Quyển	1
12	BT Ngữ văn 6/2	Quyển	1
13	BT Khoa học tự nhiên 6	Quyển	2
14	BT Lịch sử và Địa lí 6	Quyển	2
15	Công nghệ 6	Quyển	2
16	Bài tập Ngữ Văn 6 /2 (CD)	Quyển	1
17	Âm nhạc 6 (KN)	Quyển	1
18	Âm nhạc 6 (CD)	Quyển	1
19	Tiếng anh 6 (i-learn smart world) sách HS	Quyển	2
20	Tiếng anh 6 (i-learn smart world) sách BT	Quyển	2
21	Tiếng anh 6 (i-learn smart world)	Quyển	2
	SGK LỚP 7		39
1	Ngữ văn 7/1(Cánhdiều)	Quyển	3

2	Ngữ văn 7/2(Cánhdiều)	Quyển	3
3	Toán 7/1 (Cánh diều)	Quyển	3
4	Toán 7/2 (Cánh diều)	Quyển	3
5	Khoa học tự nhiên 7 (Cánh diều)	Quyển	3
6	Lịch sử và Địa lí 7 (Cánh diều)	Quyển	3
7	Giáo dục công dân 7 (Cánh diều)	Quyển	3
8	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (Cánh diều)	Quyển	4
9	BT ngữ văn 7/1 (CD)	Quyển	2
10	BT ngữ văn 7/2 (CD)	Quyển	2
11	BT Toán 7/1 (CD)	Quyển	2
12	BT Toán 7/2 (CD)	Quyển	2
13	Tin học 7 (Kết nối)	Quyển	3
14	Công nghệ 7 (Kết nối)	Quyển	3
	SGK LỚP 8		54
1	Ngữ văn 8/1 (Cánh diều)	Quyển	4
2	Ngữ văn 8/ (Cánh diều)	Quyển	4
3	Toán 8/1 (Cánh diều)	Quyển	4
3	Toán 8/2 (Cánh diều)	Quyển	4
4	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh diều)	Quyển	4
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Cánh diều)	Quyển	4
5	GDCD 8 (Cánh diều)	Quyển	3
6	Mĩ thuật 8 (Cánh diều)	Quyển	2
7	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 8 (Cánh diều)	Quyển	4
8	BT Ngữ văn 8/1 (Cánh diều)	Quyển	3
9	BT Ngữ văn 8/2 (Cánh diều)	Quyển	3
10	BT Toán 8/1 (Cánh diều)	Quyển	3
11	BT Toán 8/2 (Cánh diều)	Quyển	3
12	BT GDCD 8 (Cánh diều)	Quyển	3
13	BT Lịch sử và Địa lí 8 (Cánh diều)	Quyển	3

14	BT Khoa học tự nhiên 8 (Cánh diều)	Quyển	3
	SGK LỚP 9		83
1	Ngữ văn 9/1 (Cánh diều)	Quyển	5
2	Ngữ văn 9/2 (Cánh diều)	Quyển	5
3	Toán 9/1 (Cánh diều)	Quyển	5
4	Toán 9/1 (Cánh diều)	Quyển	5
5	Khoa học tự nhiên 9 (Cánh diều)	Quyển	5
6	Lịch sử và Địa lí 9 (Cánh diều)	Quyển	5
7	Giáo dục công dân 9 (Cánh diều)	Quyển	3
8	Mĩ thuật 9 (Cánh diều)	Quyển	2
9	GDTC (Cánh diều)	Quyển	2
10	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9 (CD)	Quyển	5
11	Bài tập Ngữ văn 9/1 (Cánh diều)	Quyển	3
12	Bài tập Ngữ văn 9/2 (Cánh diều)	Quyển	3
13	Bài tập Toán 9/1 (Cánh diều)	Quyển	3
14	Bài tập Toán 9/1 (Cánh diều)	Quyển	3
15	Bài tập GDTC9 (Cánh diều)	Quyển	2
16	Bài tập Lịch sử và Địa lí 9	Quyển	3
17	Bài tập Khoa học tự nhiên 9	Quyển	3
18	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9 (bản mẫu)	Quyển	1
19	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 9 (CD)	Quyển	3
20	Tin học 9 (kết nối)	Quyển	3
21	Âm nhạc 9 (KN)	Quyển	3
22	Công nghệ 9 (Chế biến thực phẩm) Kết nối	Quyển	3
23	Tiếng anh 9 (i learn smart world) sách học sinh	Quyển	3
24	Tiếng anh 9 (i learn smart world) sách bài tập	Quyển	3
25	Hoạt động giáo dục STEM lớp 9	Quyển	2

DANH MỤC SÁCH NGHIỆP VỤ THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI

STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị sử dụng
	SNV LỚP 6	17	
1	Ngữ Văn 6/1- SGK (CD)	2	70%-80%
2	Ngữ Văn 6/2- SGK (CD)	2	70%-80%
3	Giáo dục thể chất 6 - SGK (CD)	0	70%-80%
4	HĐTN,HN 6 - SGK (CD)	2	100 %
5	Giáo dục công dân 6 - SGK (CD)	2	100 %
6	Toán 6 - SGK (CD)	3	80% - 90%
7	Công Nghệ 6 - SGK (CD)	0	70%-80%
8	Tin Học 6 (CD)	0	
9	Khoa học tự nhiên 6 -SGK (CD)	3	80% - 90%
10	Lịch Sử và Địa Lí 6 - SGK (CD)	2	100 %
11	Tin học 6 (KNTT)	1	100 %
	SNV LỚP 7	65	
1	Toán 7 - SGK (CD)	2	90%
2	Lịch Sử và Địa Lí 7 - SGK (CD)	1	90%
3	Ngữ văn 7/1 SGK (CD)	1	90%
4	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 - SGK (CD)	2	90%
5	Giáo dục công dân 7 SGK (CD)	3	90%
6	Khoa học tự nhiên 7 SGK(Cánh diều)	2	90%
7	Tiếng anh 7 GLOBAL SUCCESS	3	100%
	SNV LỚP 8	29	
1	Công nghệ 8 -SGK (KN)	3	100%
2	Giáo dục thể chất 8 - SGK (CD)	1	100%

3	Toán 8 SGK (Cánh diều)	5	100%
4	Ngữ Văn 8 /1 SGK - (CD)	3	100%
5	Ngữ Văn 8 /2 SGK - (CD)	4	100%
5	Giáo dục thể chất 8 - SGK (CD)	1	100%
6	Giáo dục công dân 8 - (CD)	3	100%
7	HD trải nghiệm hướng nghiệp 8 SGK - (CD)	4	100%
8	Khoa học tự nhiên 8 - SGK (CD)	2	100%
9	Mĩ thuật 8 - SGK (CD)	2	100%
10	Lịch Sử & Địa Lí 8 - SGK (CD)	5	100%
11	Tin Học 8 - SGK (KN)	3	100%
12	Âm Nhạc 8 - (KN)	5	100%
13	Tiếng Anh 8- (I- LearnSm)	2	100%
	SNV LỚP 9	39	
1	Khoa học tự nhiên 9 (SGV) Cánh diều	4	100%
2	Lịch sử và Địa lí 9 SGK (Cánh diều)	4	100%
3	Toán 9 SGK (Cánh diều)	4	100%
4	Ngữ văn 9 t1 - SGK (cánh diều)	4	90% - 100%
5	Ngữ văn 9 t2 - SGK (cánh diều)	4	90% - 100%
6	Giáo dục thể chất 9 - SGK (cánh diều)	2	90% - 100%
7	Giáo dục công dân 9 SGK (Cánh diều)	3	90% - 100%
8	Âm nhạc 9 SGK (Cánh diều)	2	90% - 100%
9	Mĩ thuật 9 SGK (Cánh diều)	2	90% - 100%
10	Công nghệ định hướng nghề nghiệp SGK (KNTT)	3	90% - 100%
11	Tin học 9 SGK (KNTT)	3	90% - 100%
12	Tiếng anh 9 (I - Learn Smart World) - SGK	4	90% - 100%

DANH MỤC SÁCH THAM KHẢO TẠI THƯ VIỆN HIỆN CÓ

STT	Tên sách	Số lượng	Giá trị còn sử dụng
1	Học Tốt Sinh học 6	1	55%-65%
2	Toán nâng cao & các chuyên đề Toán 6	1	55%-65%
3	Giải bài tập toán 6 tập 2	1	50%-60%
4	Ngữ Văn 6 nâng cao	2	65%-70%
5	Các dạng Toán và phương pháp giải toán 6 tập 2	1	50%-60%
6	Bài tập Toán 6 tập	1	50%-60%
7	Giải bài tập Vật Lí 6	1	50%-60%
8	Học Tốt Ngữ Văn 6 tập 2	1	50%-60%
9	Giải bài tập Vật Lí 6	1	45%-50%
10	Nâng cao và phát triển Toán 6 tập 1	1	45%-50%
11	Vật Lí nâng cao THCS 6	1	40%-45%
12	Đề học tốt Sinh học	4	50%-60%
13	Ôn tập và tự kiểm tra đánh giá sinh học 6	0	50%-60%
14	Phương pháp giải Toán 6 theo chủ đề phần Số học	1	50%-60%
15	Phương pháp giải Toán 6 theo chủ đề phần Hình Học	1	50%-60%
16	Giới thiệu nội dung ôn tập đề kiểm tra học kì và cuối năm môn Vật Lí 6	1	50%-60%
17	Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập Vật Lí 6	1	50%-60%
18	Học Tốt Ngữ Văn 6 tập 2	1	40%-50%
19	Ôn luyện và Kiểm tra Sinh Học 6	1	50%-60%
20	Nâng cao và phát triển Toán 6 tập 2	1	50%-60%
21	Giải bài tập Toán 6 tập 2	6	50%-60%
22	Các dạng Toán và phương pháp giải toán 6 tập 1	1	50%-60%
23	Toán 6 cơ bản và nâng cao tập 2	1	50%-60%
24	Toán nâng cao và các chuyên đề	1	50%-60%
25	Kiểm Tra trắc nghiệm Ngữ Văn 6	1	50%-60%
26	Ôn tập và tự kiểm tra đánh giá Sinh Học 6	1	50%-60%
27	Các dạng Toán và phương pháp giải Toán 7 tập 2	1	50%-60%
28	Toán bồi dưỡng học sinh lớp 7	1	50%-60%
29	Học tốt sinh học 7	1	50%-60%

30	Hướng dẫn giải bài tập Vật Lí THCS	1	50%-60%
31	Luyện Giải và ôn tập Toán 7 tập 1	1	50%-60%
32	Em tự đánh giá kiến thức Ngữ Văn 7 tập 2	2	50%-60%
33	Tóm tắt lí thuyết& hướng dẫn giải bài tập Vật Lí 7	1	50%-60%
34	Đề học Vật Lí 7	1	50%-60%
35	Câu hỏi và bài tập Địa Lí 7	1	50%-60%
36	Học tốt Toán 7	1	50%-60%
37	Học tốt Sinh Học 7	1	50%-60%
38	Giải những bài Toán 7	1	50%-60%
39	Bồi dưỡng Toán 7 tập 2	1	50%-60%
40	Ôn tập và tự kiểm tra đánh giá Toán 7 tập 2	1	45%-55%
41	Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học ở trường THCS môn Toán 7	1	40%-50%
42	Bài tập nâng và một số chuyên đề Toán 7	1	50%-60%
43	Đề kiểm tra học kì cấp THCS lớp 7	1	50%-60%
44	Bài tập bổ trợ nâng cao Tiếng Anh 7	1	50%-60%
45	Các dạng Toán điển hình 7	1	50%-60%
46	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Đại Số 7	1	50%-60%
47	Bồi dưỡng Toán 7 tập 1	1	50%-60%
48	Học tốt Ngữ Văn THCS 7 tập 1	1	50%-60%
49	Ngữ Văn 7 nâng cao	1	50%-60%
50	Các chuyên đề Toán 7 tập 1	1	50%-60%
51	Ôn tập và tự kiểm tra đánh giá Toán 7 tập 2	1	50%-60%
52	Đề học tốt Vật Lí 8	1	50%-60%
53	Giải bài tập Vật Lí 8	1	50%-60%
54	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Sinh Học 8	1	50%-60%
55	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 8	1	50%-60%
56	Câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Lịch Sử 8	2	50%-60%
57	Kiểm Tra trắc nghiệm Ngữ Văn 8	1	50%-60%
58	Hướng dẫn làm bài tập Tiếng Việt 8	1	50%-60%
59	Đề học tốt Ngữ Văn 8 tập 1	1	50%-60%
60	500 bài Toán cơ bản và nâng cao 8	1	50%-60%
61	Tự học và thực hành Tiếng Anh 8	1	50%-60%

62	Để học tốt Toán 8 tập 1	1	50%-60%
63	Câu hỏi& bài tập trắc nghiệm Toán 8 tập 1	1	50%-60%
64	Bồi dưỡng Toán 8 tập 2	1	50%-60%
65	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh 8	1	50%-60%
66	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Sinh Học 8	1	50%-60%
67	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Lịch Sử 9	1	50%-60%
68	Hướng dẫn làm bài tập và ôn tập Vật Lí 8	1	50%-60%
69	Giải bài tập Vật Lí 8	1	50%-60%
70	Tổng hợp kiến thức Vật Lí 8 THCS	2	50%-60%
71	Ôn tập và tự kiểm tra đánh giá Vật Lí 8	1	50%-60%
72	Học Tốt Tiếng Anh 8	1	50%-60%
73	670 câu trắc nghiệm Tiếng Anh 8	1	50%-60%
74	Giải bài tập Sinh Học 8	1	50%-60%
75	Hướng dẫn làm bài tập Vật Lí 8 THCS	1	50%-60%
76	Kĩ năng làm đề thi và kiểm tra Sinh Học 8	1	50%-60%
77	Học Tốt Sinh Học	1	50%-60%
78	Để học tốt Sinh Học 8	1	50%-60%
79	Bài tập nâng cao Hóa Học 8	1	50%-60%
80	Bài làm Văn chọn lọc 8	1	50%-60%
81	Tuyển chọn bài thi học sinh giỏi Toán THCS	1	50%-60%
82	Học tốt Vật Lí 8	1	50%-60%
83	Ôn luyện và Kiểm Tra Hóa Học 8	1	70%-80%
84	Bài tập tình huống GDCD 8	1	70%-80%
85	Câu hỏi & bài tập trắc nghiệm Toán 8 tập 2	2	70%-80%
86	Bài tập trắc nghiệm Toán 8	1	70%-80%
87	Để học tốt Toán 8 tập 1	1	70%-80%
88	Hướng dẫn làm bài tập Toán 8 tập 1 THCS	1	70%-80%
89	Toán phát triển 8 tập2	1	70%-80%
90	Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Lịch Sử 8	1	70%-80%
91	Giải toán và trắc nghiệm Hóa Học 8	1	70%-80%
92	Hướng dẫn làm bài tập Hóa Học 8	1	70%-80%
93	Bài tập chọn lọc Hóa Học 8	1	70%-80%
94	Ôn tập Hóa Học 8	1	70%-80%

95	Hướng dẫn làm bài tập Hóa Học 8	1	70%-80%
96	Bài tập thực hành Tiếng Anh	1	70%-80%
97	Ôn tập và kiểm tra Tiếng Anh 8	1	70%-80%
98	Chuyên đề BD - nâng cao Tiếng Anh 8	1	70%-80%
99	Những bài làm văn Mẫu tập 1	1	70%-80%
100	Học tốt Vật Lí 8	1	70%-80%
101	Học tốt Ngữ Văn 8	1	70%-80%
102	Sổ tay Toán THCS quyển 8 tập 1	1	70%-80%
103	Những bài làm Văn mẫu 8 tập 2	1	70%-80%
104	Những mẫu câu giao tiếp Tiếng Anh 8 tập 1	1	70%-80%
105	162 bài Văn chọn lọc	1	60%-70%
106	Giúp em học tốt Ngữ Văn 8 tập 2	1	70%-80%
107	Hướng dẫn làm bài tập tToán 8 tập 2	1	70%-80%
108	Giải bài tập Toán 8 tập 1	1	70%-80%
109	Giải bài tập Toán 8 tập 2	1	70%-80%
110	Hướng dẫn làm bài tập hóa học 8	1	70%-80%
111	Học tốt Hóa học 8	1	70%-80%
112	Giải bài tập Hóa Học 8	1	70%-80%
113	Những bài tập làm Văn chọn lọc 8	1	70%-80%
114	Hướng dẫn làm bài tập hóa học 8	1	70%-80%
115	Bài tập Hóa Học 8 THCS	1	70%-80%
116	270 bài tập Hóa Học 8	1	70%-80%
117	101 bài văn hay lớp 8	1	70%-80%
118	Học tốt Ngữ Văn 9 tập 1	1	50%- 60%
119	Đề kiểm tra học kì THCS lớp 9	3	50%- 60%
120	Bài tập trắc nghiệm Toán 9	1	50%- 60%
121	Đề Kiểm tra học kì cấp THCS 9	1	50%- 60%
122	Học tốt Tiếng Anh 9	1	50%- 60%
123	Bộ đề Hóa Học 9 ôn thi vào lớp 10	1	50%- 60%
124	Giải bài tập Toán 9 tập 2	1	50%- 60%
125	Giải Đại Số Hình Học 9 quyển 1	1	50%- 60%
126	Đề học tốt Ngữ Văn 9	1	50%- 60%
127	Học tốt Tiếng Anh 9	2	50%- 60%

128	Học tốt Ngữ Văn 9 tập 2	5	50%- 60%
129	Học tốt Ngữ Văn 9 tập 1	7	50%- 60%
130	Học tốt Ngữ Văn 9	1	50%- 60%
131	Những bài làm văn mẫu 9 tập 2	4	50%- 60%
132	Những bài làm văn mẫu 9 tập 1	3	50%- 60%
133	Rèn luyện giải Toán Đại Số 9	1	50%- 60%
134	Tuyển tập 120 bài Văn hay	1	50%- 60%
135	50 bài Văn hay óp 9	1	50%- 60%
136	Tuyển tập 150 bài văn hay lớp 9	7	50%- 60%
137	Trọng tâm kiến thức và phương pháp giải bài tập Toán 9 tập 2	2	30% - 40%
138	Để học tốt Ngữ văn 6 Tập 1	1	35% - 45%
139	Để học tốt Ngữ văn 6 Tập 2	2	35% - 45%
140	Để học tốt Toán 6 tập 1	1	35% - 45%
	TỔNG:	467	

SÁCH KĨ NĂNG SỐNG

1	Hạt giống tâm hồn	1	60% - 70%
2	Giới hạn của bạn chỉ là xuất phát điểm của tôi	1	60% - 70%
3	A Đam và E Va	1	60% - 70%
4	Cẩm nang con trai tuổi dậy thì	12	60% - 70%
5	Cẩm nang bé gái tuổi dậy thì	10	60% - 70%
6	Những kĩ năng sống dành cho học sinh THCS	1	60% - 70%
7	Những kĩ năng sống dành cho tuổi teen	1	60% - 70%
8	Nhật kí chú bé nhút nhát	1	60% - 70%
9	Xanh lại ước mơ	5	60% - 70%
10	Kỹ năng sống cho trẻ em	40	60% - 70%
11	Một số văn bản chính sách mới bảo vệ chăm sóc, giáo dục trẻ em....	20	60% - 70%
12	Rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh_ kĩ năng giao tiếp	1	60% - 70%
13	Rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh_ kĩ năng làm chủ bản thân	2	60% - 70%
14	Rèn luyện kĩ năng sống cho học sinh_ kĩ năng kiểm soát cảm xúc	2	60% - 70%

15	Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh_ kỹ năng tự nhận thức	2	60% - 70%
16	Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh_ kỹ năng ra quyết định	2	60% - 70%
17	Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh_ kỹ năng đặt mục tiêu	3	60% - 70%
18	Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh_ kỹ năng giải quyết vấn đề	2	60% - 70%
19	Rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh_ kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực	3	60% - 70%
20	Truyện kể hằng đêm	1	60% - 70%
21	27 bài học tự cổ vũ bản thân	1	60% - 70%
22	Kiến thức khoa học dành cho học sinh	1	60% - 70%
23	49 kỹ năng sống thực tế	1	60% - 70%
24	Hạt giống tâm hồn	39	60% - 70%
25	Hạt giống tâm hồn	11	60% - 70%
26	Búp Sen Xanh	4	60% - 70%
27	Chia sẻ tâm hồn và quà tặng cuộc sống	4	60% - 70%
28	KNS: Nhật kí trưởng thành...	10	60% - 70%
29	Hạt giống tâm hồn	1	60% - 70%
30	365 chuyện kể hằng đêm	2	60% - 70%
31	TĐ: Khí chất bao nhiêu hạnh phúc bấy nhiêu	1	60% - 70%
32	Cảm nang của bạn trẻ ngày nay	1	60% - 70%
33	KNS:Dành cho tuổi Teen	1	60% - 70%
34	KNS:Dành cho học sinh THCS	1	60% - 70%
35	Bác Hồ và những bài học về đạo đức lối sống dành cho học sinh lớp 7	6	60% - 70%
36	Kể chuyện Đạo Đức & cách làm người	1	60% - 70%
37	Giáo dục bảo tồn di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long	14	60% - 70%
38	Kiến thức cơ bản về dạy bơi cứu đuối	25	60% - 70%
	TỔNG:	935	

SÁCH PHÁP LUẬT

1	Tập bài giảng nhà nước và pháp luật	7	40% - 50%
2	Luật thi hành án dân sự	5	40% - 50%
3	Luật đất đai 2013	1	40% - 50%

4	Giáo trình pháp luật	50	40% - 50%
5	Bình luận khoa học	13	40% - 50%
6	Chính Sách mới về tiền lương	3	40% - 50%
7	Hệ thống hóa văn bản pháp luật về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	5	40% - 50%
8	Giáo Trình pháp luật đại cương	5	40% - 50%
11	Văn bản pháp luật về chống thư rác	4	40% - 50%
12	Pháp lệnh cán bộ công chức	3	40% - 50%
13	Luật quản lí thuế	4	40% - 50%
14	Luật đất đai 2014	1	40% - 50%
15	Giáo trình pháp luật	4	40% - 50%
16	Luật đất đai 2015	1	40% - 50%
17	Giáo Trình pháp luật đại cương	14	40% - 50%
18	Luật đất đai 2016	1	40% - 50%
19	Luật đất đai 2017	1	40% - 50%
	TỔNG	122	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	

Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết luận: Trường THCS Liên Hòa đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường THCS Liên Hòa đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc

gia mức độ 1, giúp nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng giáo dục toàn diện.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường THCS Liên Hòa đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
3. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
4. Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
5. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
6. Viết báo cáo tự đánh giá.
7. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 09 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, BGH, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí CB, GV, NV phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 2 và đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 1.

2. Kế hoạch cải tiến.

2.1. Năm học 2024-2025

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến 2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính;

Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc

tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh;

Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 1) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; xây dựng thêm phòng học bộ môn đáp ứng nhu cầu và các điều kiện cho dạy và học, từng bước đầu tư trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu đổi mới;

Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Thực hiện hiệu quả đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, đề nghị Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT kiểm tra, tư vấn và công nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng mức 3, trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2 vào năm 2029.

2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin tuyển sinh:

- Số HS tuyển sinh đầu cấp (lớp 6) năm học 2024-2025: $133/133 = 100\%$ có hộ khẩu xã Liên Hòa.

2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế học kì I năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/ rèn luyện	528	132	143	135	118
1	Tốt	209	46	64	55	44
	(tỷ lệ so với tổng số)	39,28%	34.85%	44.76%	40.74%	37.29%

2	Khá	291	74	74	75	68
	(tỷ lệ so với tổng số)	55.11%	56.06%	51.75%	55.56%	57.63%
3	Trung bình/ Đạt	28	12	5	5	6
	(tỷ lệ so với tổng số)	5.3%	9.09%	3.5%	3.7%	5.08%
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
	(tỷ lệ so với tổng số)	0,00%	0,00%	0,00%	1,67%	0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập	528	132	143	135	118
1	Tốt	31	7	8	15	1
	(tỷ lệ so với tổng số)	5,87%	5,30%	5,59%	11,11%	0,88%
2	Khá	142	38	46	37	21
	(tỷ lệ so với tổng số)	26,89%	28,79%	32,17%	27,41%	17,80%
3	Trung bình/ đạt	332	74	86	80	92
	(tỷ lệ so với tổng số)	62,88%	56,06%	60,14%	59,26%	77,97%
4	Chưa đạt	23	13	3	3	4
	(tỷ lệ so với tổng số)	4.36%	9.85%	2.1%	2.22%	3.39%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT, thay thế Thông tư số 36/2017/TTBGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Trường THCS Liên Hòa công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023
- Thông báo công khai dự toán thu chi nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024
- Công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý
- Thông báo công khai danh sách học sinh được trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm 2024. (kèm theo danh sách)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phụ đạo học sinh yếu kém

1.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

Công tác bồi dưỡng đội tuyển HSG hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển HSG được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. GV được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết, không đòi hỏi sự thù lao nào.

Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng HSG là mũi nhọn.

Kết quả HSG các môn văn hoá Lớp 9 năm học 2024-2025: Đạt 13 giải (Lịch sử: 01 giải ba, 02 giải KK; Địa lý: 01 giải KK; Tin: 01 giải nhì; GD&ĐT: 03 giải nhì, 03 giải ba, 02 giải KK)

- Giải TDTT cấp thị xã:

+ Giải Bơi học sinh TH&THCS:

Giải tập thể: 01 giải Nhì;

Giải cá nhân: 05 giải (01 giải Nhì, 04 giải Ba).

Giải tiếp sức: 03 giải (02 giải nhì, 01 giải ba)

+ Giải Đá cầu: Đạt 03 giải (01 giải ba cá nhân, 02 giải ba đồng đội).

+ Giải Cờ vua: 01 giải ba cá nhân.

- Cuộc thi vẽ tranh về di sản vịnh Hạ Long: Đạt 02 giải (01 giải B, 01 giải KK)

1.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp.

Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua kỳ khảo sát chất lượng cuối năm của Phòng giáo dục.

2. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

2.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

Triển khai Công văn của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong nhà trường phổ thông năm học 2023-2024.

Thực hiện sự chỉ đạo của Phòng GD&ĐT Quảng Yên, nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp

dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học.

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra giữa kì, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi. Vì vậy còn ảnh hưởng đến chất lượng nói chung.

2.2. Công tác giáo dục STEM

** Công tác chỉ đạo.*

Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

** Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 35 tiết dạy học STEM.

** Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

3. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

** Công tác chỉ đạo.*

Nhà trường triển khai nghiêm túc Công văn về Hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông cấp THCS và THPT.

Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ

tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, MT, AN, NV có hiệu quả. Tổ chức các buổi sinh hoạt theo chủ điểm theo từng tháng; tham gia cuộc thi ANGT vì Nụ cười ngày mai.

**Kết quả đã đạt:* Trong năm học, không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

** Những tồn tại hạn chế:* Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong vận động, nhắc nhở phối hợp cho HS khi tham gia giao thông, còn để HS đi xe điện, xe máy.

4. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

** Công tác chỉ đạo.*

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

** Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

** Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc dồn bộ phận phụ trách còn chồng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo

Trên đây là Báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường THCS Liên Hòa, nhà trường công khai đến Lãnh đạo, Cha mẹ học sinh, đội ngũ CBGV-NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Bản tin thông báo;
- Đăng trên trang Web của nhà trường;
- Lưu VT./.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Thúy Hà